SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐỒNG THÁP
ĐỀ THI CHÍNH THỨC

KỲ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN HSG DỰ THI CẤP QUỐC GIA NĂM HỌC 2026 - 2027

Môn thi: ĐỊA LÍ
Thời gian: **180 phút** (không kể thời gian giao đề)
Ngày thi: **23/7/2026**
Đề thi gồm: 02 trang, 07 câu

Câu 1. *(3,0 điểm)*

a) Trình bày hiện tượng mùa trên Trái Đất. Giải thích nguyên nhân sự khác biệt về mùa ở khu vực đới nóng, đới ôn hòa và đới lạnh?

b) Phân tích ảnh hưởng của khí hậu đến sông ngòi ở vùng nội chí tuyến.

Câu 2. *(2,0 điểm)*

a) Tại sao hiện nay tuy các nước đang phát triển đẩy mạnh xuất khẩu lao động nhưng vẫn phải nhập khẩu lao động có trình độ cao?

b) *"Trong thế kỉ XXI, lợi thế cạnh tranh của một quốc gia không còn chủ yếu dựa vào tài nguyên thiên nhiên mà dựa vào trình độ khoa học - công nghệ"*. Anh/Chị hãy phân tích nhận định trên.

Câu 3. *(3,0 điểm)*

a) Chứng minh sinh vật nước ta mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa và phân hóa rõ rệt theo độ cao.

b) Giải thích nguyên nhân đất feralit chiếm diện tích lớn nhất và phân bố rộng rãi ở vùng đồi núi nước ta.

Câu 4. *(3,0 điểm)*

a) Phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí tới khí hậu của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

b) Dựa vào bảng số liệu sau và kiến thức đã học, phân tích sự khác biệt về mùa lũ giữa sông Thu Bồn và sông Đồng Nai.

LƯU LƯỢNG NƯỚC TRUNG BÌNH TRÊN SÔNG THU BỒN VÀ SÔNG ĐỒNG NAI

(Đơn vị: m^3/s)

Tháng	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**
Sông Thu Bồn	202	115	75,1	58,2	91,4	120	88,6	69,6	151	519	954	448
Sông Đồng Nai	103	66,2	48,4	59,8	127	417	751	1345	1317	1279	594	239

(Nguồn: Địa lí tự nhiên Việt Nam - Vũ Tự Lập)

Câu 5. *(3,0 điểm)*

a) Chứng minh nước ta đang có cơ cấu dân số vàng nhưng cũng đã bước vào thời kì già hóa dân số.

b) Tại sao nói đa dạng hóa sản xuất và đa dạng hóa loại hình đào tạo các cấp, các ngành nghề có ý nghĩa quan trọng đối với vấn đề giải quyết việc làm ở nước ta hiện nay?

Câu 6. *(3,0 điểm)*

a) Giải thích nguyên nhân ngành bưu chính viễn thông nước ta phát triển nhanh trong những năm gần đây?

b) Dựa vào bảng số liệu sau và kiến thức đã học, nhận xét và giải thích về sự thay đổi sản lượng một số sản phẩm công nghiệp, giá trị sản xuất và xuất khẩu sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2015 - 2024.

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP, GIÁ TRỊ SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2024

Năm	2015	2020	2024
Dầu thô *(triệu tấn)*	18,7	11,5	9,9
Ô tô lắp ráp *(nghìn cái)*	192,8	257,6	368,0
Sữa tươi *(triệu lít)*	1027,9	1296,8	1601,6
Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp *(tỉ USD)*	230,5	315,8	420,0
Giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghiệp *(tỉ USD)*	148,2	255,6	335,0

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2025)

Câu 7. *(3,0 điểm)*

a) Chứng minh Đồng bằng sông Hồng có ngành công nghiệp phát triển hàng đầu ở nước ta hiện nay.

b) Tại sao trong phát triển lâm nghiệp ở Bắc Trung Bộ hiện nay cần bảo vệ rừng kết hợp với phát triển du lịch sinh thái?

---------- HẾT ----------

** Thí sinh KHÔNG được sử dụng tài liệu.*

** Giám thị KHÔNG giải thích gì thêm.*

Họ và tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

Chữ ký Giám thị 1: .....

Chữ ký Giám thị 2: .....

.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐỒNG THÁP ĐÁP ÁN, THANG ĐIỂM ĐỀ THI CHÍNH THỨC	KỲ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN HSG DỰ THI CẤP QUỐC GIA NĂM HỌC 2026 - 2027 Môn thi: **ĐỊA LÍ** Ngày thi: **23/7/2026** Đáp án gồm: 05 trang

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1 *(3,0 điểm)*	**a**	**Trình bày hiện tượng mùa trên Trái Đất? Giải thích nguyên nhân sự khác biệt về mùa ở khu vực đới nóng, đới ôn hòa và đới lạnh.**	**1,50**
		1 *(3,0 điểm)* **a** ***Trình bày và giải thích hiện tượng mùa**- Khái niệm: Mùa là một khoảng thời gian trong năm có những đặc điểm riêng về thời tiết và khí hậu.	0,25
		1 *(3,0 điểm)* **a** - Đặc điểm:+ Thường lấy 4 ngày 21/3, 22/6, 23/9, 22/12 là ngày khởi đầu cho 4 mùa trong năm. Các nước theo âm dương lịch thời gian mùa thường sớm hơn khoảng 45 ngày.	0,25
		1 *(3,0 điểm)* **a** + Hiện tượng mùa rõ rệt nhất ở vùng ôn đới. Vùng nhiệt đới mùa xuân và thu thường ngắn. Vùng hàn đới quanh năm lạnh. Mùa ở nửa cầu Bắc ngược với nửa cầu Nam.	0,25

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		1 *(3,0 điểm)* **a** ***Nguyên nhân khu vực đới nóng, đới ôn hòa và đới lạnh có sự khác biệt về mùa**- Đới nóng: quanh năm nóng, sự phân mùa không rõ do nằm ở vùng vĩ độ thấp, góc chiếu sáng lớn và ít có sự chênh lệch giữa các thời kì trong năm.	0,25
		1 *(3,0 điểm)* **a** - Đới lạnh: quanh năm lạnh, chỉ có mùa đông do nằm ở vĩ độ cao, luôn có góc chiếu sáng nhỏ, lượng nhiệt nhận được thấp.- Đới ôn hòa: chia thành bốn mùa rõ rệt do nằm ở vĩ độ trung bình, có sự chênh lệch về góc chiếu sáng và thời gian chiếu sáng rõ rệt giữa các thời kì trong năm.	0,25
	1 *(3,0 điểm)* **b**	**Phân tích tác động của khí hậu đến sông ngòi ở vùng nội chí tuyến.**	**1,50**
		1 *(3,0 điểm)* **b** - Vùng nội chí tuyến đa số có mưa nhiều, quá trình xâm thực diễn ra mạnh nên nhìn chung có mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều nước, giàu phù sa...	0,25
		1 *(3,0 điểm)* **b** - Vùng có khí hậu nóng nên nguồn cung cấp nước cho sông ngòi chủ yếu là nước mưa. Do đó chế độ mưa quyết định đến lưu lượng nước, chế độ nước, đặc điểm lũ ...	0,25
		1	0,25

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		(3,0 điểm) **b** - Khí hậu phân hóa thành các kiểu khác nhau nên chế độ nước sông phân hóa rõ rệt:+ Xích đạo mưa nhiều quanh năm nên mạng lưới sông ngòi dày đặc, tổng lưu lượng nước sông lớn, đầy nước quanh năm, lũ điều hòa...	
		1 *(3,0 điểm)* **b** + Cận xích đạo mưa nhiều và phân mùa mưa - khô rõ rệt nên mạng lưới sông ngòi dày đặc, tổng lưu lượng nước sông lớn, chế độ nước sông phân mùa lũ - cạn rõ rệt.+ Nhiệt đới ẩm gió mùa: mưa nhiều, phân mùa mưa - khô rõ rệt, thất thường, mưa vào mùa hạ nên mạng lưới sông ngòi dày đặc, tổng lưu lượng nước sông lớn, phân mùa rõ rệt, lũ mùa hạ, thất thường...	0,25
		1 *(3,0 điểm)* **b** + Nhiệt đới lục địa: khí hậu khô nóng, mưa rất ít nên lưu lượng nước sông nhỏ, mạng lưới sông ngòi thưa, mùa hạ mưa nhiều hơn nên thường có lũ vào mùa hạ...	0,25
2 *(2,0 điểm)*	**a**	**Tại sao hiện nay các nước đang phát triển đẩy mạnh xuất khẩu lao động, nhưng vẫn phải nhập khẩu lao động?**	**1,00**
		2 *(2,0 điểm)* **a** - Đẩy mạnh xuất khẩu lao động do:+ Đặc điểm các nước đang phát triển: nguồn lao động đông, tăng nhanh; kinh tế còn chậm phát triển, CN và DV còn hạn chế,... chưa đáp ứng đủ nhu cầu việc làm.	0,25

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		2 *(2,0 điểm)* **a** + Ý nghĩa: Đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm, nâng cao thu nhập, trình độ cho LĐ; tạo nguồn thu ngoại tệ cho đất nước,...	0,25
		2 *(2,0 điểm)* **a** - Nhập khẩu lao động do:+ Đặc điểm lao động nước đang phát triển: trình độ lao động thấp, tỉ lệ lao động chưa qua đào tạo cao; thiếu lao động có chuyên môn kĩ thuật, thiếu cán bộ quản lí giỏi,... + Ý nghĩa: Phải nhập khẩu lao động, nhất là đội ngũ lao động trình độ cao, chuyên gia giỏi để phát triển các ngành có hàm lượng kỹ thuật cao nhằm thúc đẩy CNH-HĐH, hội nhập quốc tế và phát triển nền kinh tế tri thức.	0,25
	2 *(2,0 điểm)* **b**	***"Trong thế kỉ XXI, lợi thế cạnh tranh của một quốc gia không còn chủ yếu dựa vào tài nguyên thiên nhiên mà dựa vào trình độ khoa học – công nghệ".* Anh/Chị hãy phân tích nhận định trên.**	**1,00**
		2 *(2,0 điểm)* **b** - Nhận định "tài nguyên thiên nhiên không còn là yếu tố quyết định hàng đầu" là đúng: Tài nguyên thiên nhiên phần lớn là nguồn lực hữu hạn, có nguy cơ suy giảm và cạn kiệt; giá trị từ khai thác tài nguyên thô thường thấp...	0,25
		2 *(2,0 điểm)* **b** - Khoa học – công nghệ trở thành nền tảng của lợi thế cạnh tranh:+ Nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tài nguyên hợp lí; tạo ra vật liệu mới, mở rộng danh mục tài nguyên; làm gia tăng giá trị và nâng cao	0,25

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		hiệu quả sử dụng của các nguồn lực khác ...	
		2 *(2,0 điểm)* **b** + Tăng khả năng sản xuất, nâng cao năng suất và chất lượng, giảm chi phí sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.+ Thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, xuất hiện nhiều ngành kinh tế mới. Tăng khả năng thích ứng trước biến động thị trường và các thách thức toàn cầu.	0,25
3 *(3,0 điểm)*	**a**	**Chứng minh sinh vật nước ta mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa và phân hóa rõ rệt theo độ cao.**	**2,00**
		3 *(3,0 điểm)* **a** **** Tính nhiệt đới ẩm gió mùa của sinh vật nước ta***- Việt Nam có hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa điển hình với thành phần loài thực vật và động vật nhiệt đới chiếm ưu thế.	0,25
		3 *(3,0 điểm)* **a** - Thảm thực vật rừng có lượng sinh khối lớn và năng suất sinh học cao. Thành phần loài chủ yếu là các loài nhiệt đới *(dẫn chứng)*.	0,25
		3 *(3,0 điểm)* **a** - Hệ sinh thái rừng nguyên sinh phổ biến ở nước ta là rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh. Do ảnh hưởng của gió mùa nên nước ta có các loại rừng nhiệt đới gió mùa khác nhau *(dẫn chứng)*.	0,25

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		3 *(3,0 điểm)* **a** - Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất feralit là cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta.	0,25
		3 *(3,0 điểm)* **a** **** Sinh vật phân hóa rõ rệt theo độ cao địa hình:***- Đai nhiệt đới gió mùa (độ cao dưới 600 - 700m ở miền Bắc, dưới 900 - 1000m ở miền Nam), chiếm phần lớn diện tích lãnh thổ. Sinh vật gồm các hệ sinh thái và thành phần loài nhiệt đới phong phú, đa dạng *(diễn giải)*.	0,50
		3 *(3,0 điểm)* **a** - Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi: (độ cao từ 600 - 700m đến 2600 m ở miền Bắc, từ 900 - 1000m đến 2600m ở miền Nam). Hệ sinh thái và thành phần loài cận nhiệt đới *(diễn giải)*- Đai ôn đới gió mùa trên núi: (trên 2600m, chỉ có ở Hoàng Liên Sơn) chủ yếu là thực vật ôn đới *(diễn giải)*	0,25
	3 *(3,0 điểm)* **b**	**Giải thích nguyên nhân đất feralit chiếm diện tích lớn nhất và phân bố rộng rãi ở vùng đồi núi nước ta.**	**1,00**
		3 *(3,0 điểm)* **b** - Khí hậu: nguồn nhiệt ẩm dồi dào đã thúc đẩy quá trình hình thành đất diễn ra mạnh, tạo nên lớp đất dày. Mưa lớn, tập trung theo mùa rửa trôi các chất bazo dễ tan, đồng thời tích tụ oxit sắt và oxit nhôm làm cho đất chua, có màu đỏ vàng.	0,25
		3	0,25

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		(3,0 điểm) **b** - Địa hình: ¾ diện tích nước ta là đồi núi nhưng đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích đã bảo toàn tính địa đới của đất miền nhiệt đới ẩm gió mùa với loại đất đặc trưng là đất feralit, phân bố rộng khắp.	
		3 *(3,0 điểm)* **b** - Đá mẹ: nước ta có nhóm đá mẹ axit chiếm diện tích chủ yếu, phân bố rộng khắp ở vùng đồi núi là cơ sở để hình thành nên đất feralit.- Sinh vật nước ta mang đặc trưng là các thảm thực vật NĐAGM có lượng tàn tích hữu cơ lớn, phân bố trên khắp cả nước. Tuy nhiên trong điều kiện nền nhiệt ẩm cao, tốc độ phân giải chất hữu cơ của vi sinh vật nhanh nên nghèo mùn ...	0,25
4 *(3,0 điểm)*	**a**	**Phân tích tác động của vị trí địa lí tới khí hậu miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.**	**1,50**
		4 *(3,0 điểm)* **a** **** Đặc điểm vị trí địa lí:*** Miền TB và BTB gồm vùng núi Tây Bắc và vùng Bắc Trung Bộ, đại bộ phận nằm trong phạm vi từ khoảng 16°B - 23°B, giáp biển Đông và nằm trong khu vực gió mùa châu Á.	0,25
		4 *(3,0 điểm)* **a** **** Ảnh hưởng:***- Vị trí địa lí đã quy định khí hậu của miền mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa, có một mùa đông lạnh vừa. + Tính nhiệt đới: vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến, trong năm có 2 lần Mặt Trời lên thiên đỉnh nên t° TB năm của miền cao trên 20°C (trừ vùng núi cao),	0,25

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		4 *(3,0 điểm)* **a** + Tính ẩm: do phía đông, đông nam của miền giáp biển Đông – nguồn dự trữ nhiệt, ẩm dồi dào nên khí hậu của miền có tính chất ẩm rõ rệt: lượng mưa TB năm lớn, độ ẩm không khí cao *(dẫn chứng)*.	0,25
		4 *(3,0 điểm)* **a** + Tính gió mùa: miền quanh năm có Tín phong hoạt động nhưng do vị trí nằm trong khu vực gió mùa Châu Á nên bị gió mùa lấn át, chỉ mạnh lên vào thời kì chuyển tiếp. Hoạt động của gió mùa đã gây nên tính phân mùa của khí hậu *(diễn giải)*.	0,25
		4 *(3,0 điểm)* **a** - Vị trí địa lí – lãnh thổ kết hợp với địa hình và hoạt động của gió mùa làm cho khí hậu của miền có sự phân hóa theo bắc – nam: từ bắc vào nam, nhiệt độ giảm dần, biên độ nhiệt tăng dần, độ lạnh giảm dần *(dẫn chứng)*.- Vị trí địa lí của miền giáp biển Đông, lại chịu ảnh hưởng của gió mùa nên khí hậu của miền diễn biến thất thường, có nhiều thiên tai *(diễn giải)*.	0,25
	4 *(3,0 điểm)* **b**	**Phân tích sự khác biệt về mùa lũ của sông Thu Bồn và sông Đồng Nai.**	**1,50**
		4 *(3,0 điểm)* **b** - Thời gian lũ khác nhau:+ Sông Thu Bồn mùa lũ ngắn và muộn hơn, từ tháng 10 đến tháng 12, có lũ tiểu mãn vào tháng 6. Do mùa mưa vào thu – đông chịu tác động của Tín phong qua biển gặp bức chắn địa hình, bão, hội tụ nhiệt đới. Có lũ tiểu mãn do có mưa tiểu mãn...	0,25

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		4 *(3,0 điểm)* **b** + Sông Đồng Nai mùa lũ dài và sớm hơn, từ tháng 7 đến tháng 11. Do mùa mưa vào hè - thu chịu ảnh hưởng của gió mùa mùa hạ và dải hội tụ nhiệt đới.	0,25
		4 *(3,0 điểm)* **b** - Tháng đỉnh lũ: Sông Thu Bồn là tháng 11, còn sông Đồng Nai là tháng 8. Do tháng đỉnh lũ trùng với tháng đỉnh mưa.	0,25
		4 *(3,0 điểm)* **b** - Lưu lượng nước trong mùa lũ: sông Thu Bồn có lưu lượng nước nhỏ hơn 1921 m^3/s. Do diện tích lưu vực nhỏ hơn và mưa ít hơn. Sông Đồng Nai có lưu lượng nước lớn hơn 5286 m^3/s. Do diện tích lưu vực sông lớn, mưa nhiều hơn.	0,25
		4 *(3,0 điểm)* **b** - Đặc điểm lũ:+ Sông Thu Bồn có lũ lên nhanh, rút nhanh do sông ngắn, chảy trên địa hình dốc, núi chạy ra sát biển, mưa lớn tập trung. + Sông Đồng Nai có lũ điều hoà hơn do sông dài hơn, chảy trên nền đá dễ thấm nước, thảm thực vật dày, có các hồ thuỷ điện điều hoà.	0,25
5 *(3,0 điểm)*	**a**	**Chứng minh nước ta đang có cơ cấu dân số vàng nhưng cũng đã bước vào thời kì già hoá dân số.**	**1,50**
		5 *(3,0 điểm)* **a**	0,25

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		**** Nước ta có cơ cấu dân số vàng***- Dân số vàng là giai đoạn số người trong độ tuổi lao động (15–64 tuổi) chiếm tỷ lệ cao hơn số người phụ thuộc (0–14 tuổi và từ 65 trở lên).	
		5 *(3,0 điểm)* **a** - Ở nước ta hiện nay:+ Tỉ lệ dân số trong độ tuổi lao động chiếm khoảng 65 – 70% tổng dân số *(dẫn chứng)*	0,25
		5 *(3,0 điểm)* **a** + Tỉ lệ người phụ thuộc chiếm khoảng 30 – 35% *(dẫn chứng)*	0,25
		5 *(3,0 điểm)* **a** **** Nước ta đã bước vào thời kỳ già hóa dân số***- Già hóa dân số xảy ra khi tỉ lệ người từ 60 tuổi trở lên đạt từ 10% trở lên, hoặc tỉ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt từ 7% trở lên.	0,25
		5 *(3,0 điểm)* **a** - Ở nước ta hiện nay:+ Tỉ lệ người từ 60 tuổi trở lên đã vượt 12%, và nhóm từ 65 tuổi trở lên chiếm hơn 8% *(dẫn chứng)*. + Tuổi thọ trung bình tăng nhanh, trong khi tỉ lệ sinh giảm *(dẫn chứng)*.	0,25
	5	**Tại sao nói đa dạng hóa sản xuất và đa dạng hóa loại hình đào tạo các cấp, các ngành nghề có ý nghĩa quan trọng đối với vấn đề**	**1,50**

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		giải quyết việc làm ở nước ta.	
	(3,0 điểm) **b**	**5** *(3,0 điểm)* **b** **** Đa dạng hóa sản xuất:***- Ở nông thôn: Đa dạng hóa các hoạt động kinh tế (sản xuất hàng hóa, phát triển các nghề thủ công truyền thống, tiểu thủ công nghiệp, các ngành công nghiệp, dịch vụ) đã tận dụng được quỹ thời gian lao động ở nông thôn, khắc phục được tính mùa vụ trong nông nghiệp, do vậy đã giảm tỉ lệ thiếu việc làm, hạn chế di cư tự phát. - Ở thành thị: Đa dạng hóa các hoạt động kinh tế đã tạo ra nhiều việc làm mới từ đó giảm tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị: phát triển mạnh các ngành công nghiệp, dịch vụ, chú ý thích đáng đến các hoạt động công nghiệp, dịch vụ sử dụng nhiều lao động.	1,00
		5 *(3,0 điểm)* **b** **** Đa dạng hóa loại hình đào tạo:*** Đa dạng hóa loại hình đào tạo các cấp, các ngành nghề nhằm nâng cao chất lượng, trang bị nhiều kĩ năng cho lao động từ đó giúp người lao động có thể tự tạo việc làm hoặc dễ dàng tìm kiếm việc làm.	0,50
6 *(3,0 điểm)*	**a**	**Giải thích tại sao trong những năm gần đây ngành bưu chính viễn thông của nước ta phát triển nhanh?**	**1,00**
		6 *(3,0 điểm)* **a** - Trình độ phát triển kinh tế: nước ta đang đẩy mạnh quá trình CNH - HĐH, các ngành kinh tế phát triển mạnh, nhu cầu dịch vụ bưu chính viễn thông ngày càng nhiều, thúc đẩy ngành phát triển với quy mô ngày càng lớn, tốc độ tăng trưởng nhanh.	0,25
		6	0,25

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		(3,0 điểm) **a** - Đầu tư vốn, đổi mới và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ cho ngành đã tạo ra nhiều cách thức chuyển phát và các dịch vụ bưu chính mới; thay đổi và xuất hiện nhiều thiết bị viễn thông hiện đại với tốc độ cao, ...	
		6 *(3,0 điểm)* **a** - Dân số đông, mức sống của dân cư tăng, đô thị hóa được đẩy mạnh ...- Các nhân tố khác: toàn cầu hóa mạnh mẽ, quá trình hội nhập sâu rộng vào nền KT thế giới, trình độ chuyên môn kỹ thuật của lực lượng lao động, cơ sở hạ tầng,...	0,50
	6 *(3,0 điểm)* **b**	**Nhận xét và giải thích về sự thay đổi sản lượng một số sản phẩm công nghiệp, giá trị sản xuất và xuất khẩu sản phẩm công nghiệp của nước ta g/đ 2015 - 2024**	**2,00**
		6 *(3,0 điểm)* **b** **** Nhận xét:***- Giá trị sản xuất và giá trị xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp đều tăng liên tục, tốc độ khác nhau *(dẫn chứng)*.	0,50
		6 *(3,0 điểm)* **b** - Quy mô và tốc độ tăng sản lượng một số sản phẩm công nghiệp khác nhau và có sự thay đổi: sản lượng dầu thô giảm liên tục, sản lượng các sản phẩm công nghiệp khác liên tục tăng *(dẫn chứng)*.	0,50
		6 *(3,0 điểm)*	0,25

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		b **** Giải thích:***- Giá trị sản xuất CN liên tục tăng do CNH đất nước, khai thác hiệu quả các nguồn lực: thu hút nguồn đầu tư nước ngoài, xuất hiện các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới; mở rộng năng lực hạ tầng các khu công nghiệp; nhu cầu thế giới tăng,...	
		6 *(3,0 điểm)* **b** - Giá trị xuất khẩu tăng chủ yếu do: đầu tư khoa học công nghệ, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, giá trị sản phẩm được nâng cao, khai thác hiệu quả các Hiệp định Thương mại tự do (FTA).	0,25
		6 *(3,0 điểm)* **b** - Sản lượng các sản phẩm công nghiệp:+ Sản lượng dầu thô giảm do chủ trương hạn chế khai thác để bảo vệ tài nguyên và chuyển dịch sang phát triển công nghiệp chế biến sâu. + Sản lượng ô tô, sữa tươi tăng mạnh nhờ chất lượng sống tăng, đẩy mạnh đô thị hóa, có sự đầu tư của các doanh nghiệp và ứng dụng KHCN vào sản xuất.	0,50
7 *(3,0 điểm)*	**a**	**Chứng minh Đồng bằng sông Hồng có ngành công nghiệp phát triển hàng đầu ở nước ta hiện nay.**	**1,50**
		7 *(3,0 điểm)* **a** - Vai trò: là ngành kinh tế quan trọng của vùng, cung cấp nguồn hàng xuất khẩu, tạo nhiều việc làm, ...- Giá trị sản xuất công nghiệp của vùng liên tục tăng, đóng góp ngày càng lớn vào sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của đất nước.	0,50

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		7 *(3,0 điểm)* **a** - Cơ cấu ngành công nghiệp khá đa dạng. Một số ngành công nghiệp nổi bật của vùng là sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; sản xuất, chế biến thực phẩm; dệt và sản xuất trang phục,... *(diễn giải)*	0,50
		7 *(3,0 điểm)* **a** - Mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất cả nước với nhiều khu công nghiệp tập trung, khu công nghệ cao *(diễn giải)*	0,25
		7 *(3,0 điểm)* **a** - Định hướng phát triển công nghiệp của vùng là đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng hiện đại hoá, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, chú trọng bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.	0,25
	7 *(3,0 điểm)* **b**	**Tại sao trong phát triển lâm nghiệp ở Bắc Trung Bộ hiện nay cần bảo vệ rừng kết hợp với phát triển du lịch sinh thái?**	**1,50**
		7 *(3,0 điểm)* **b** - Vai trò của tài nguyên rừng ở Bắc Trung Bộ: bảo vệ đất, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu, giữ nước cho lưu vực; tạo sinh kế cho người dân, ...	0,25
		7 *(3,0 điểm)* **b** - Đặc điểm tài nguyên rừng của vùng:+ Nhiều khu vực rừng (vườn quốc gia, khu bảo tồn,...) có cảnh quan đẹp, hệ sinh thái đa dạng, nhiều loài động thực vật quý hiếm, thuận lợi phát triển du lịch sinh	0,50

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		thái. + Diện tích rừng đang tăng lên, đặc biệt là rừng trồng. Tuy nhiên rừng tự nhiên bị suy thoái, chất lượng rừng thấp, đa dạng sinh học suy giảm do cháy rừng; phá rừng; công tác quản lí, giám sát rừng còn hạn chế;...	
		7 *(3,0 điểm)* **b** - Bảo vệ rừng kết hợp với du lịch sinh thái ở Bắc Trung Bộ mang lại nhiều ý nghĩa:+ Kinh tế: Tạo nguồn thu ổn định từ du lịch, nâng cao giá trị kinh tế của tài nguyên rừng; thu hút đầu tư phát triển các dịch vụ du lịch gắn với tài nguyên rừng. + Xã hội: Tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần phát triển cộng đồng, nâng cao đời sống dân cư miền núi; tăng cường nhận thức về ý nghĩa của rừng... + Môi trường: Góp phần bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi rừng thông qua nguồn thu từ du lịch; du lịch sinh thái thúc đẩy sử dụng bền vững tài nguyên, giảm tác động tiêu cực đến môi trường.	0,75
Tổng điểm toàn bài			**20,00**

---------HẾT---------